

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 13-3-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Cường.
- Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở chính: đường NKKN, phường VTS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 và văn bản ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông Lê Văn T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Phú Q - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số 723/2023/UQ-CNVL ngày 13/9/2023); địa chỉ: đường B-H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Minh V; địa chỉ: NVL, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2023 của nguyên đơn Ngân hàng S (gọi tắt: Ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long và ông Đỗ Minh V có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập, Ngân hàng đồng ý cấp cho ông V 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, số thẻ 356480-7305; thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm, kể từ tháng 01/2018; tài sản thế chấp: Không; lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi cấp thẻ ông V đã thực hiện việc giao dịch rút tiền mặt tổng số tiền là 127.410.000 đồng, nhiều lần từ ngày 31/01/2018 đến ngày 30/9/2021 đối với số thẻ 356480-7305.

Trong quá trình sử dụng thẻ 356480-7305, từ ngày kích hoạt thẻ thì ông V đã thanh toán được 148.534.384 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 31/01/2018 đến ngày 15/12/2023. Sau đó, ông V ngưng không thanh toán khoản tiền vay và lãi vay cho Ngân hàng. Ngày 31/7/2022, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 31/7/2022.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông V vẫn không thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 13/3/2024, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 4.593.992 đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 14.559.952 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 19.153.944 đồng. Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ ông V cùng tìm hướng giải quyết các khoản vay nhưng ông V cố tình không hợp tác. Ngân hàng yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để ông V trả nợ. Tuy nhiên, đến nay ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 26 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Minh V trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 13/3/2024 là 19.153.944 đồng; trong đó: Tiền vốn gốc còn nợ là 4.593.992 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.559.952 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh được tính từ ngày 14/3/2024 trên dư nợ gốc đến khi ông V thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Bị đơn ông Đỗ Minh V: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông V đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền loại việc: Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và tiền lãi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Đỗ Minh V; địa chỉ: NVL, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn ông Đỗ Minh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 13/01/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Vĩnh Long và ông Đỗ Minh V có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập, Ngân hàng đồng ý cấp cho ông V 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, số thẻ 356480-7305. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và ông V là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh ông V có giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt từ ngày 31/01/2018 đến ngày 30/9/2021 là 127.410.000 đồng, ông V đã thanh toán được 148.534.384 đồng, còn nợ số tiền vốn là 4.593.992 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông V vẫn không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 26 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ là 4.593.992 đồng.

Về tiền lãi: Ông V và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân

hàng, buộc ông V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 14.559.952 đồng.

Vì vậy, ông Đỗ Minh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi là 19.153.944 đồng.

[3] Bị đơn Đỗ Minh V không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Đỗ Minh V chịu tiền án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 19.153.944 đồng x 5% = 957.697 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Đỗ Minh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay còn nợ là 4.593.992đ (bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), tiền lãi là 14.559.952đ (mười bốn triệu năm trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), tổng cộng vốn và lãi là 19.153.944đ (mười chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Về án phí:

Buộc ông Đỗ Minh V phải chịu 957.697đ (chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng S 942.000đ (chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số 0000129 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan